

Ở nước ta, vấn đề kinh tế nông hộ cần được nghiên cứu, xem xét từ nhiều góc độ khác nhau. Nghị quyết 10 (khoản 10) của Bộ Chính trị (khóa VI) đã khẳng định lại vị trí của kinh tế nông hộ trong quá trình tổ chức quản lý kinh tế nông nghiệp. Tuy nhiên, ở thời điểm đó, nhìn chung nông hộ nước ta vẫn ở mức kinh tế tiểu nông. Trong quá trình phát triển, với tác động của cơ chế mới, kinh tế nông hộ có sự phân hóa, làm hình thành một bộ phận nông dân chịu mức sống đói nghèo. Đây là bộ phận dân cư cần được sự quan tâm nhiều mặt của xã hội. Cần phải có những biện pháp kinh tế tổng hợp nhằm củng cố, nâng cao kinh tế nông hộ, ổn định nông thôn, đẩy mạnh kinh tế nông nghiệp, tạo một môi trường thuận lợi cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Bài viết này xin đề cập sự chuyển biến kinh tế nông hộ qua thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo ở ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh trong những năm qua.

1. Nông hộ ở ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh đã trải qua những biến động trong quá trình cải tạo và xây dựng kinh tế nông nghiệp. Trước khoản 10, về mặt chủ trương chỉ đạo không được khẳng định, nhưng trên thực tế vẫn là hình thức kinh tế phổ biến ở các huyện ngoại thành. Sau khoản 10, kinh tế nông hộ được khẳng định, càng có nhiều thuận lợi cho việc củng cố và phát triển. Song nông hộ đứng trước khó khăn thử thách lớn do cơ chế quản lý mới, nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sau gần 4 năm thực hiện khoản 10, kinh tế nông nghiệp ngoại thành đạt một số kết quả quan trọng sau gần 4 năm thực hiện khoản 10. Nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau, đặc biệt, phải sửa chữa sai lầm, khuyết điểm qua điều chỉnh và chia cấp ruộng đất; tình hình thay đổi về môi sinh, môi trường từ công trình thủy điện Trị An; thời tiết khí hậu không thuận lợi; nhiều đơn vị quốc doanh Thành phố và huyện vì làm ăn thua lỗ phải sắp xếp, giải thể, tình giảm biên chế; nhiều chính sách của Nhà nước chưa hợp lý; tỉ lệ sinh đẻ còn ở mức cao (2,2 - 2,4%), nên tình hình phân hóa trong đời sống nông thôn diễn ra khá gay gắt. Lúc này, 6 huyện ngoại thành có trên 100 ngàn hộ nông dân. Trong đó, 45.920 hộ (chiếm 42,5%) khá giả, sản xuất có tích lũy; 25.390 hộ (chiếm 24%) tạm đủ ăn, nhưng có khó khăn từng lúc; còn lại 31.940 hộ (chiếm 31%) là hộ

nghèo đói, đặc biệt trong đó có khoảng 9.000 hộ phải cứu trợ thường xuyên và gần 2.000 hộ bị trắng tay thiếu đất, mất phương tiện sản xuất để sinh sống, phần lớn thuộc diện gia đình chính sách. (1)

Từ tình hình đó, ngày 12.2.1992 Ban Thường vụ Thành ủy đã đề ra "Chương trình phân đấu thu hẹp và từng bước xóa hộ nghèo đói ở nông thôn". Sau đó, Thành ủy xác định mục tiêu "phân đấu xóa nạn đói, giảm hộ nghèo" vừa có tính chất cấp bách, vừa cơ bản lâu dài. Một số biện pháp lớn được đề ra như sau:

- Các huyện, xã tiến hành điều tra thống kê danh sách các hộ nông dân đưa vào diện đói nghèo.

- Lập kế hoạch về các mặt xây dựng cơ bản, vốn, dự trữ vật tư, bảo hiểm giống heo, nhân giống lúa kháng rầy, bảo hiểm thiên tai, thể chế kế hoạch bằng Nghị quyết Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố để chỉ đạo các ban ngành thực hiện.

- Huy động và tạo nhiều nguồn vốn, xây dựng quỹ trợ giúp hộ đói nghèo, bao gồm: vốn ngân sách, Quỹ bảo hiểm thiên tai, Ngân hàng nông nghiệp, ... Đồng thời huy động các tổ

chức, đoàn thể cùng tham gia chương trình.

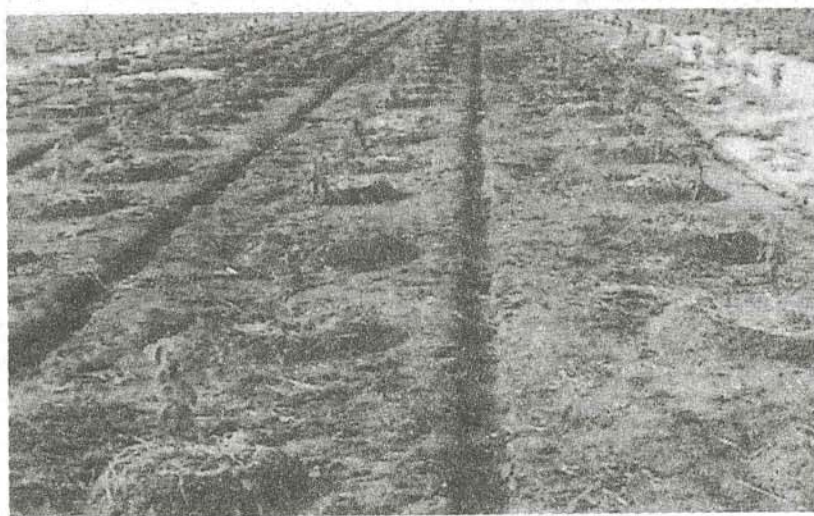
- Giải quyết đất sản xuất nông nghiệp.

- Phát triển ngành nghề, dịch vụ.

Thực hiện chương trình nói trên, ngày 3.4.1992, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chỉ thị cho các huyện, xã triển khai chương trình phân đấu thu hẹp và từng bước xóa các hộ nông dân nghèo đói. Ngày 15.7.1992, Ban Thường vụ Thành ủy ra thông báo về việc tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo. Ngày 22.10.1992, Ban Thường vụ Thành ủy ra thông báo về việc tiếp tục thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo. Sự theo dõi chỉ đạo chặt chẽ của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố đã có tác dụng thúc đẩy tình hình theo chiều hướng tốt, từ năm 1992 trở đi, thu nhập bình quân của hộ nông dân ngoại thành tăng lên đáng kể, ở mức 7 - 8%/năm. Nhưng đến năm 1994 vẫn còn trên 24 ngàn hộ (chiếm 26% tổng số nông hộ ngoại thành) có thu nhập dưới 80.000 đồng/nhân khẩu/tháng. Trong đó gần 900 hộ cần được trợ cấp thường

CHUYỂN BIẾN CỦA KINH TẾ NÔNG HỘ NGOẠI THÀNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH QUA THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

ĐINH HUY LIÊM



xuân. Năm 1995 trở đi, số nông hộ thu nhập khá có tăng lên (trên 46%), nhưng còn khoảng 10,8% số hộ thuộc diện đói nghèo (huyện Cần Giuộc có tỉ lệ nghèo đói cao nhất 23,4%) (2.).

Nhìn chung, ở ngoại thành cùng với các chương trình hoạt động kinh tế khác, chương trình xóa đói giảm nghèo đã tác động làm chuyển biến tình hình kinh tế nông hộ. Trong 100 hộ thì có 39 - 58 máy thu thanh, 30 - 55 máy thu hình, 31 - 86 xe gắn máy, tùy theo mức độ của từng huyện; ở Hóc Môn có tỉ lệ nông hộ sử dụng điện cao nhất (93,5%) còn ở Cần Giuộc có tỉ lệ thấp nhất (65,6%). Về sử dụng nước máy, ở Thủ Đức có tỉ lệ sử dụng cao nhất là 44,2%, Hóc Môn có tỉ lệ sử dụng thấp là 0,6%, riêng Cần Giuộc chưa có nước máy sử dụng.

Xin nêu một vài số liệu như trên để minh họa cho tình hình kinh tế nông hộ đã chịu ảnh hưởng trực tiếp của chương trình xóa đói giảm nghèo của thành phố. Chương trình này cần được tiếp tục đẩy mạnh theo đặc điểm, hoàn cảnh cụ thể của từng huyện, xã ở ngoại thành.

2. Kinh tế nông hộ từ tác động của chương trình xóa đói giảm nghèo ở quận 2, quận 9 và quận Thủ Đức:

Trước năm 1997, quận 2, quận 9 và quận Thủ Đức thuộc huyện Thủ Đức, một huyện ngoại thành có diện tích tự nhiên 21.124 ha, trong đó đất nông nghiệp có 11.595 ha, chiếm 54,9%; đất phi nông nghiệp là 9.524 ha. Sản xuất nông nghiệp chủ yếu là trồng lúa, màu, vườn tạp, ... Toàn huyện có gần 70 ngàn hộ dân, trong đó gần 18 ngàn hộ sản xuất nông nghiệp, hơn 20 ngàn hộ bán nông nghiệp. Tổng nhân khẩu nông nghiệp trên 60 ngàn, trong đó có 46% là lao động phụ và những người không đủ năng lực lao động, cần được nuôi dưỡng. (3)

Đến tháng 6.1996, toàn huyện có 10.103 hộ nông nghiệp thuộc diện nghèo đói (có thu nhập bình quân 500.000 đồng/nhân khẩu/năm). Chương trình xóa đói giảm nghèo của huyện Thủ Đức từ 1992 nhằm vào số hộ này. Chương trình được tiến hành một cách đồng bộ, có sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân huyện, có sự tham gia của Phòng lao động thương binh xã hội, Mặt trận tổ quốc huyện, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Đoàn thanh niên, Liên đoàn lao động, Phòng kinh tế, Trung tâm dạy nghề, Ngân hàng nông nghiệp, Phòng y tế ... Chương trình được triển khai rộng khắp đến tất cả 23 xã, thị trấn trong toàn huyện. Nội dung hoạt động của chương trình chủ yếu tiến hành các biện pháp kinh tế: trợ vốn sản xuất, hướng dẫn sử dụng, quản lý vốn cho các hộ trong diện, với mục tiêu: xóa hộ đói, chống tái đói, giảm

dẫn hộ nghèo, nâng dần mức sống từ nghèo lên trung bình, khá.

Vốn được huy động lên tới 7.369.897.000 đồng từ 4 nguồn sau:

- Vận động các ban, ngành, đoàn thể, cá nhân trong huyện ủng hộ, cho vay: 3.746.771.000 đồng.

- Thành phố chỉ viện: 1.240.368.000 đồng.

- Ngân sách của huyện: 2.050.000.000 đồng.

- Ngân sách của xã: 332.755.000 đồng.

Đây thực sự là một phong trào cách mạng rộng lớn, thể hiện bản chất ưu việt của chế độ mới, sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền, ban ngành trong huyện nhằm giải quyết những bức bách về kinh tế xã hội. Bên cạnh các nguồn vốn nói trên, nguồn vốn từ các chương trình khác cũng hỗ trợ thêm phần nào, như Quỹ quốc gia giải quyết việc làm, Ngân hàng phục vụ người nghèo, Tín dụng phụ nữ, sự tài trợ của UNICEP về phát triển nông thôn.

Nguồn vốn nói trên được quản lý chặt chẽ của Ban chỉ đạo huyện và Ban chỉ đạo xã, theo nguyên tắc: Ban chỉ đạo cấp xã hướng dẫn thủ tục, làm trung gian để các hộ nông dân vay vốn của chương trình. Qua đó, trong tổng số 10.860 hộ thuộc diện nghèo đói, có trên 10 ngàn hộ được vay tiền của chương trình, có hộ được vay nhiều lần, bình quân 1 triệu đồng cho 1 lượt vay.

Số tiền vay được, các hộ nông dân đã sử dụng như sau:

- 6.327 hộ vay 5.187.202.000 đồng để sản xuất nông nghiệp. Trong đó, chủ yếu là chăn nuôi (4.289 hộ với 4.970.202.000 đồng).

- 3.849 hộ vay 2.182.692.000 đồng để kinh doanh và giải quyết nhu cầu khác.

Mục đích sử dụng của các hộ vay vốn cho thấy phần lớn số hộ vay để sản xuất nông nghiệp mà chủ yếu là chăn nuôi heo, gà, vịt vì đồng vốn quay vòng nhanh hơn so với trồng trọt. Riêng nuôi trồng thủy sản tuy thu lợi cao hơn nhưng yêu cầu vốn rất lớn, thời hạn quay vòng lâu, nên đầu tư vào đây rất khó khăn. Như vậy hộ nông dân đã có sự cân nhắc, lựa chọn hướng đầu tư khi được hỗ trợ vốn, một mặt phải tính toán đến việc sinh lời, mặt khác đảm bảo thời hạn hoàn trả vốn cho chương trình. Do đó, hiệu quả đầu tư nhìn chung khá tốt.

- Tình hình sản xuất có chuyển biến tốt. So với năm 1992, thời điểm khởi xướng chương trình xóa đói giảm nghèo, chăn nuôi heo tăng khoảng 5.000 con, chăn nuôi gà tăng 22.000 con, nuôi bò tăng 800 con; riêng lĩnh vực trồng trọt cần phải xem xét, nghiên cứu thêm để đầu tư có hiệu quả. Năng suất bình quân 4,5 tấn/ha,

một số hộ đầu tư thích đáng về vốn và kỹ thuật canh tác thì năng suất trên 6 tấn/ha, sau khi trừ các chi phí, còn lợi nhuận trung bình 1 ha trồng lúa là trên 2 triệu (chưa trừ chi phí công lao động của gia đình). Mức lãi này mới có thể đảm bảo cho hộ nông dân thoát khỏi cảnh đói.

- Tình hình thu nhập, qua số liệu điều tra ở xã Long Phước, cho thấy thu nhập của 1 hộ/năm trước khi vay vốn là 2.700.000 đồng, sau vay vốn là 6.571.500 đồng; thu nhập bình quân nhân khẩu/năm trước khi vay vốn là 540.000 đồng, sau vay vốn là 1.314.300 đồng. Chẳng hạn hộ Nguyễn Văn Trần có 13 nhân khẩu (5 lao động chính, 8 lao động phụ): Trước đây làm ruộng không đủ ăn, ông Trần bỏ đi buôn mía, gạo, rồi trở về làm ruộng, vẫn cảnh đói nghèo. Được chương trình xóa đói giảm nghèo hỗ trợ vốn, ông Trần đã cải tạo, lập vườn cây ăn trái, đào ao nuôi cá, nuôi tôm, nuôi heo và vịt đẻ. Đến nay gia đình không còn thiếu thốn, sửa chữa nâng cấp nhà khang trang, mua sắm các tiện nghi sinh hoạt đắt tiền.

Từ thực tiễn vùng ngoại thành nói chung, các quận 2, 9 và Thủ Đức nói riêng, có thể rút ra mấy nhận xét:

(1). Chương trình xóa đói giảm nghèo thực sự đem lại tác dụng về nhiều mặt. Trong đó, tác dụng trực tiếp là làm ổn định, thúc đẩy kinh tế của hộ nông dân trong diện đói nghèo, một bộ phận nông hộ không ít ở ngoại thành. Vì vậy, chương trình này cần được nghiên cứu tổng kết để tiếp tục đẩy mạnh trong thời gian tới ở thành phố cũng như cả nước.

(2). Chương trình Xóa đói giảm nghèo cần kết hợp chặt chẽ với các chương trình và các cuộc vận động khác ở nông thôn nhằm xây dựng nông thôn toàn diện, trong đó lấy kinh tế nông hộ làm đối tượng tác động trực tiếp để nâng cao thu nhập, ổn định đời sống mọi mặt nông thôn ngoại thành.

(3). Để thúc đẩy kinh tế nông hộ ngoại thành, cần giải quyết nhiều vấn đề, trong đó đầu tư vốn, kỹ thuật là hết sức cần thiết. Vốn từ chương trình xóa đói giảm nghèo là rất nhỏ, song đã có tác dụng nhất định. Cần huy động vốn từ nhiều nguồn, nhất là từ ngân hàng nông nghiệp, Ngân hàng người nghèo. Phương thức sử dụng vốn cần được hướng dẫn để nông dân biết cách đầu tư có hiệu quả.

(1). Thành phố Hồ Chí Minh: Xóa đói giảm nghèo - Vì sự nghiệp dân giàu nước mạnh, TP. HCM, 1992, tr13.

(2). Ban tư tưởng - văn hóa Thành ủy: Thông tin nội bộ số 9, tháng 4/1995.

(3). Số liệu năm 1996 của Ban chỉ đạo Xóa đói giảm nghèo quận Thủ Đức.